

MÃ CHỨNG KHOÁN : TCR



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GỐM SỨ TAICERA
TAICERA ENTERPRISE COMPANY
大同奈陶瓷工業股份公司

TÀI LIỆU ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN NĂM 2014
ANNUAL SHAREHOLDERS'
MEETING
常年股東大會資料

2014.04.25

MỤC LỤC

1. Báo cáo Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2013	4
2. Báo cáo Kế hoạch dự kiến đầu tư và sản xuất kinh doanh 2014	7
3. Ban kiểm soát báo cáo Kết quả kiểm tra trong năm 2013.....	9
4. Báo cáo phân phối lợi nhuận năm 2013.....	11
5. Lựa chọn Công ty kiểm toán cho năm tài chính 2014.....	12
6. Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2013... ..	13

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2014

Thời gian tổ chức : 14 giờ 00, ngày 25 tháng 04 năm 2014 (thứ Sáu)

Địa điểm : Khách sạn New World, 76 Lê Lai, Quận 1, Tp.HCM.

Thời gian	Nội dung
13:30	Đón khách và Kiểm tra tư cách cổ đông
14:00	1. Tuyên bố lý do khai mạc và giới thiệu Đại biểu khách mời, thành phần tham dự 2. Công bố báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông, bắt đầu cuộc họp 3. Giới thiệu Đoàn chủ tịch, Ban thư ký, Ban thẩm tra tư cách cổ đông, Ban kiểm phiếu, Đại hội biểu quyết thông qua. 4. Đọc Chương trình Đại hội, đại hội biểu quyết thông qua 5. Chủ tịch HĐQT phát biểu 6. Nội dung báo cáo và thảo luận (1) Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2013 (2) Báo cáo Kế hoạch dự kiến đầu tư và SXKD năm 2014 (3) Ban kiểm soát báo cáo kết quả kiểm tra trong năm 2013 (4) Tờ trình báo cáo về phân phối lợi nhuận 2013 (5) Tờ trình về Lựa chọn Công ty kiểm toán cho năm 2014 7. Đại hội biểu quyết thông qua các nội dung nêu trên
15:30	8. Giải lao, tiệc nhẹ
16:00	9. Công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết thông qua các vấn đề trên Đại hội.
16:15	10. Đại diện Ban thư ký đọc Nghị quyết Đại hội và Đại hội biểu quyết thông qua
16:30	11. Bế mạc

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT

Xin chào Quý cổ đông cùng các vị khách mời của Công ty TAICERA!

Hôm nay, tôi rất vui có dịp gặp gỡ Quý cổ đông tại buổi họp Đại hội cổ đông tổ chức hàng năm. Ở đây, tôi xin đại diện toàn thể nhân viên Công ty **TAICERA** gửi đến Quý cổ đông lời chào đón nhiệt liệt và chân thành nhất, rất cảm ơn các vị đã dành thời gian tới tham dự buổi họp Đại hội cổ đông lần này.

Những năm gần đây, môi trường kinh tế ở Việt Nam biến động thay đổi quá nhanh, Chính phủ Việt Nam đưa ra các chính sách mới để thực hiện, trong khi đó các khoản chi phí giá thành không ngừng tăng lên, hàng năm đều mang lại những thách thức lớn cho Doanh nghiệp. Năm 2013, dưới ảnh hưởng của các yếu tố trong môi trường kinh tế tổng thể, đây là một năm gặp nhiều khó khăn đối với công ty **TAICERA**. Với kinh nghiệm tích lũy trong **20** năm qua, bằng những cải cách điều chỉnh trong sách lược kinh doanh, **TAICERA** đã từng bước một khắc phục những khó khăn và thử thách, tôi tin rằng trong năm 2014, công ty **TAICERA** sẽ đưa ra bảng kết quả hoạt động kinh doanh tốt nhất.

Nhân dịp này, tôi phải nói lời cảm ơn chân thành đến các vị cổ đông đã luôn ủng hộ, đồng hành cùng **TAICERA**, sự tăng trưởng ổn định của Công ty trong tương lai chính là mục tiêu của toàn thể nhân viên **TAICERA** chúng tôi nỗ lực để đạt được.

Cuối cùng, tôi xin gửi lời chúc sức khỏe dồi dào đến quý cổ đông, cùng gia đình luôn hạnh phúc đầm ấm và công việc thành đạt

Xin trân trọng kính chào!

Ngày 25 tháng 04 năm 2014

Công ty Cổ phần Công nghiệp Gốm sứ TAICERA

CHEN, SIN - SIANG – Chủ tịch Hội đồng Quản trị

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TỔNG KẾT CÔNG TÁC HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2013

1. Khái quát tình hình kinh doanh công ty và tình hình kinh tế năm 2013

Lượng tiêu thụ của Công ty trong năm **2013** là trên **12.380.000m²**, tăng **11%** so với năm 2012, doanh thu bán hàng đạt **1.941,4 tỷ đồng**, tăng **15,55%** so với năm 2012, mặc dù trong năm 2013, hiệu suất nền kinh tế Thế giới bị trì trệ, ngành bất động sản trong nước của Việt Nam cũng chưa thực sự phục hồi, nhưng khách hàng trong và ngoài nước rất có lòng tin đối với chất lượng sản phẩm cũng như dịch vụ bán hàng của công ty Taicera, điều đó đã giúp cho lượng tiêu thụ hàng bán của công ty trong năm 2013 vẫn có thể duy trì mức tăng trưởng là **trên 10%**, và doanh thu bán hàng cũng tăng trưởng vượt mức **15%**.

Trong năm 2013, các chi phí cần thiết phục vụ cho nhu cầu sản xuất như chi phí: điện, nước, khí đốt, lương nhân công, nguyên liệu, v.v...đều tăng, đặc biệt là chi phí điện, nước, và khí đốt chiếm tỷ lệ chi phí sản xuất **hơn 30%**, biên độ tăng càng mạnh, công ty đã rất cố gắng nỗ lực trong việc khắc phục tình trạng chi phí giá thành sản xuất tăng cao ảnh hưởng đến lợi nhuận, nhưng tình hình kết quả kinh doanh của công ty trong năm 2013 vẫn bị thâm hụt.

Đối mặt với tình hình khó khăn liên tiếp được đề cập ở trên đây, công ty vẫn tiếp tục không ngừng tìm kiếm phương án để giảm chi phí sản xuất xuống thấp, phương án cuối cùng là tập trung nỗ lực theo hướng tiết giảm nhiên liệu năng lượng, tiết giảm lượng nhiên liệu sử dụng trong sản xuất như khí đốt, điện nước nhằm làm giảm chi phí sản xuất của đơn vị xuống. Bên cạnh đó, điều chỉnh tỷ lệ mục tiêu xuất khẩu đạt trên **55%**, giải quyết tình trạng trì trệ của lượng cầu trong nước, tất cả những nỗ lực nêu trên đã bắt đầu thể hiện trong hiệu suất Quý IV năm 2013. Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty trong năm 2013 bị thâm hụt là một thử thách lớn đối với công ty, cũng chính vì vậy chúng tôi đã rút ra được những bài học kinh nghiệm hữu ích, giúp cho công ty có một định hướng giải quyết những khó khăn có thể sẽ gặp phải trong năm 2014, trong đó bao gồm một số các sách lược công ty sẽ soạn thảo và cải tiến trong thời gian tới đây, để Taicera có một tương lai tốt đẹp.

Hội đồng quản trị công ty luôn giữ vững thái độ tích cực, triển khai thực hiện đúng theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, trong năm 2013 đã hoàn thành các công việc sau: chuyển 1 phần lợi nhuận sau thuế của năm 2012 thành vốn đầu tư với số vốn tăng thêm là **12.971.815.200**

đồng, thông qua phương thức phát hành thêm cổ phiếu mới để chi trả cổ tức năm 2012 bằng cổ phiếu với tổng số lượng cổ phần phát hành thêm là **1.297.181cp**; trong số đó đã thực hiện đăng ký niêm yết bổ sung **296.051** cổ phiếu, tính đến thời điểm cuối năm **2013**, tổng vốn Điều lệ Công ty là **445.421.280.000** đồng.

2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2013

Sản lượng tiêu thụ sản phẩm phân theo thị trường năm 2012-2013:

Đơn vị tính: m²

Năm	2012		2013	
	Trong nước	Xuất khẩu	Trong nước	Xuất khẩu
Lượng tiêu thụ	5.668.153	5.463.964	5.846.371	6.537.913
Tỷ trọng(%)	51%	49%	47%	53%
Lượng tiêu thụ cả năm	11.132.117		12.384.284	
Tỷ lệ tăng giảm lượng tiêu thụ cả năm(%)				11%

Các chỉ tiêu tài chính của Công ty năm 2012-2013

Đơn vị tính: VND

Nội dung	Năm 2012	Năm 2013
Doanh thu bán hàng	1.680.221.486.409	1.941.418.328.198
Các khoản giảm trừ	28.301.195.287	29.492.741.457
Doanh thu thuần về bán hàng	1.651.920.291.122	1.911.925.586.741
Giá vốn hàng bán	1.386.528.950.957	1.679.002.811.040
Lợi nhuận gộp về bán hàng	265.391.340.165	232.922.775.701
Lợi nhuận thuần trước thuế	5.025.333.065	(57.922.010.665)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	1.498.560.359	390.247.362
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	123.151.731	540.661.528
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	3.403.620.975	(58.852.919.555)
Lợi nhuận thuần sau thuế (cty mẹ)/ doanh thu thuần	0,21%	-3,07%

3. Kết luận:

Tổng kết tình hình kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2013 của Công ty, đây là thời điểm có hiệu suất thấp nhất kể từ năm 1994 khi thành lập công ty đến nay, bất luận là về phương diện đối nội hay đối ngoại đều phải đứng trước những thách thức, trải qua những hoàn cảnh khó khăn như vậy, càng khiến cho công ty chúng tôi hiểu được, chỉ có tự lực tự cường mới có thể giữ vững kinh doanh, tiếp tục nghênh đón sự tiếp diễn của năm tiếp theo, với năm 2014, công ty vẫn tiếp tục giữ vững thái độ tích cực, để hoàn thành những mục tiêu dự kiến.

TM.Hội đồng quản trị

Chủ tịch



KẾ HOẠCH DỰ KIẾN ĐẦU TƯ VÀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2014

Xu hướng tình hình kinh tế thế giới năm 2014 đã tăng trưởng ổn định. Chính phủ Việt Nam cũng đã đưa ra một số biện pháp khuyến khích ưu đãi để kích thích nền kinh tế trong nước, mặc dù nền kinh tế vẫn chưa hồi phục hoàn toàn, nhưng chỉ số vật giá đã ổn định hơn so với năm 2013.

Về bán hàng:

Hiện tại công ty đã và đang phát triển ổn định tại thị trường trong nước Việt Nam, các thị trường Châu Á, thị trường Úc và thị trường Châu Âu, nhưng do môi trường kinh tế trong ngoài nước biến đổi quá nhanh, để giúp cho thị trường trong và ngoài nước của công ty càng ngày ổn định phát triển bền vững hơn, ngoài trừ những thị trường hiện đã có, về phía thị trường nước ngoài, công ty tiếp tục khai thác phát triển thị trường miền Trung và Nam Mỹ, nhân cơ hội này nâng tỷ lệ xuất khẩu lên **55%** trở lên; về mặt thị trường trong nước, tiếp tục tăng cường kênh bán hàng đối với Taicera-Keraben company-một công ty hợp tác xây dựng cùng với một thương hiệu lớn Keraben của Tây Ban Nha, đồng thời tăng cường lộ trình kinh doanh của nhãn hiệu TKG với dòng sản phẩm chính là sản phẩm gạch cao cấp, ngoài hai phương án trên công ty còn tiến hành trang hoàng lại phòng trưng bày showroom của các chi nhánh trong nước, để giúp cho tất cả khách hàng hiểu rõ hơn về sản phẩm của công ty, cải tiến trang hoàng lại nhằm mở rộng kênh bán hàng kinh doanh của công ty, càng thâm nhập vào cơ sở hạ tầng.

Về sản xuất:

Để làm giảm chi phí giá thành sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm và gia tăng sản lượng, trong năm 2014 công ty sẽ tăng thêm một số thiết bị, mục đích chính là để hỗ trợ cho dây chuyền sản xuất vận hành hoạt động ngày càng thuận lợi hơn, nhằm làm gia tăng sản lượng để giảm chi phí sản xuất xuống, nâng cao giá trị kèm theo của sản phẩm, gia tăng sức cạnh tranh của sản phẩm, đáp ứng nhu cầu của khách hàng, để công ty trở thành một trong những nhà cung cấp gạch cạnh tranh nhất thế giới.

Kết luận:

Mục tiêu hướng đến của công ty là cho tương lai, chứ không phải quá khứ, hiệu suất kinh doanh của công ty trong năm 2013 tuy rằng không được tốt thực, nhưng trong một hoàn cảnh khắc nghiệt như vậy, nhiều khó khăn như vậy, công ty cũng đã vượt qua, trải qua những thử thách của năm 2013, công ty sẽ có những bước chuẩn bị chặt chẽ hơn, hoàn thiện hơn để ứng phó với sự xuất hiện của bất kỳ cuộc khủng hoảng khó khăn, chúng tôi tin rằng công ty Taicera sẽ càng phát triển hơn trong tương lai.

Dự kiến năm 2014 nền kinh tế Thế giới và kinh tế trong nước sẽ tăng trưởng ổn định, công ty có được hệ thống thiết bị sản xuất với công nghệ hiện đại hóa nhất và kênh bán hàng hoàn thiện, bên cạnh đó kiểm soát chặt chẽ các chi phí sản xuất để giảm giá thành xuống, công ty có lòng tin rằng sẽ đón nhận thách thức của năm 2014 và đạt được mục tiêu như mong muốn.

Kính trình Đại hội cổ đông xem xét và thông qua.

TM.Hội đồng quản trị
Chủ tịch



BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÔNG TY NĂM 2012

- Căn cứ vào Điều lệ Công ty Cổ phần Công nghiệp Gốm sứ Taicera
- Căn cứ vào Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2013 của Công ty
- Căn cứ vào quá trình hoạt động kiểm soát trong năm 2013.

Ban kiểm soát xin trình bày báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 được tổ chức vào ngày 25/04/2014.

Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Công nghiệp Gốm sứ Taicera đã thực hiện kiểm tra thường kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng của Công ty Cổ phần Công nghiệp Gốm sứ Taicera trong năm 2013. Việc kiểm tra được thực hiện thuận lợi, phù hợp với Luật Doanh nghiệp và điều lệ Công ty. Kết quả kiểm tra như sau:

1. Về sản xuất kinh doanh

Các chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2013 như sau:

Doanh thu năm 2013: **1.941,4 tỷ đồng**, tăng **15,55%** so với năm 2012

- Lợi nhuận sau thuế năm 2013: **-58,8 tỷ đồng**.

- Tỷ lệ cổ tức: **0%**

Với các chỉ tiêu được giao nói trên, Ban Tổng Giám đốc điều hành, các cán bộ quản lý và người lao động của Công ty trong năm đã có những nỗ lực rất lớn, cố gắng hoàn thành các chỉ tiêu được giao. Cụ thể như sau:

Đơn vị tính: đồng

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2013
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.914.418.328.198
2	Lợi nhuận sau thuế thu nhập Doanh nghiệp (Công ty mẹ)	(58.852.919.555)
3	Lợi nhuận sau thuế (Công ty mẹ)/Doanh thu thuần	-3,08%
4	Lợi nhuận sau thuế (Công ty mẹ)/Vốn Điều lệ	-13,21%

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty nêu trên đã được thể hiện rõ ràng trong báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty. Các báo cáo này đã được kiểm toán độc lập (Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và kiểm toán Phía Nam-AASCs) kiểm toán, xác nhận. Ban kiểm soát đã đối chiếu số liệu của báo cáo với sổ kế toán, sổ sách của Công ty được tổ chức khoa học, ghi chép rõ ràng rất thuận lợi cho việc kiểm tra. Ban kiểm soát thống nhất xác nhận các chỉ tiêu

thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2013 của Công ty được Tổng giám đốc báo cáo như đã nêu trên.

2. Phân phối sản phẩm

Việc phân phối sản phẩm sẽ được thực hiện trực tiếp và gián tiếp. Taicera thiết lập một mạng lưới phân phối rộng khắp trong nước và nước ngoài, bao gồm các cửa hàng và đại lý. Sản phẩm sẽ được bán gián tiếp thông qua đại lý hoặc trực tiếp thông qua các cửa hàng và công trình xây dựng.

Thị trường nước ngoài: Đài Loan, Hàn Quốc, Nhật Bản, Úc, Campuchia, Philippines, Malaysia, Ấn Độ, Thổ Nhĩ Kỳ, NaUy, v.v...

- Trong nước: chủ yếu 6 chi nhánh và các công trình xây dựng.

3. Kiểm soát chi phí

Công ty thực hiện kiểm soát dự toán chi phí sản xuất và chi phí quản lý nhằm phân bổ nguồn lực hiệu quả để đạt được các chỉ tiêu về sản lượng, doanh thu, lợi nhuận đề ra.

4. Trích lập các quỹ

Theo điều lệ của Công ty, hàng năm Công ty sẽ phải trích lợi nhuận sau thuế của mình một khoản vào quỹ dự trữ bổ sung điều lệ theo quy định của pháp luật. Khoản này không vượt quá (5%) lợi nhuận sau thuế của Công ty và được trích cho đến khi quỹ dự trữ bằng 10% Vốn điều lệ của Công ty.

Trên đây là nội dung kết quả quá trình kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát xin báo cáo trước Đại hội.

Kính trình Đại hội cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng

TM. BAN KIỂM SOÁT

HSIEH JAN HWANG

TỜ TRÌNH

V/v: Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2013

Kính gửi: ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP GỐM SỨ TAICERA

- Căn cứ vào Điều lệ Công ty Cổ phần Công nghiệp Gốm sứ Taicera.
- Căn cứ Báo cáo tài chính 2013 đã được kiểm toán.
- Căn cứ Kế hoạch hoạt động Sản xuất Kinh doanh năm 2014.

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Công nghiệp Gốm sứ Taicera kính trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2014 thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2013 như sau:

Tổng lợi nhuận trước thuế trong năm 2013:	(57.922.010.665) đồng
Mức thuế dự kiến của năm 2013:	390.247.362 đồng
Lợi nhuận sau thuế trong năm 2013:	(58.312.258.027) đồng
LNST của công ty mẹ trong năm 2013:	(58.852.919.555) đồng

Do kết quả hoạt động kinh doanh trong năm 2013 bị thua lỗ, công ty không có lợi nhuận, vì vậy không có chi trả cổ tức, không trích lập các quỹ và không chi trả tiền thù lao cho Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm soát.

Kính trình Đại hội cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng,

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



TỜ TRÌNH

V/v: Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2014

Kính gửi: ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP GỐM SỨ TAICERA

- Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp hiện hành.
- Căn cứ vào Điều lệ Công ty Cổ phần Công nghiệp Gốm sứ Taicera.
- Căn cứ vào Luật thuế thu nhập Doanh nghiệp.

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Công nghiệp Gốm sứ Taicera kính trình đại hội cổ đông thường niên năm 2014 thông qua Quyết định chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2014:

Công ty TNHH Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)

- Địa chỉ trụ sở chính: 29 Võ Thị Sáu, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh
- Điện thoại: 08.820.5944 – 820.5947 Fax: 08.820.5942
- Email: aascs@vnn.vn Website: www.aascs.com.vn

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Traân trọng,

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2013



Số: 67 /BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo Tài chính hợp nhất năm 2013 của Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Gốm sứ Taicera

Kính gửi: Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và các cổ đông Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Gốm sứ Taicera

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Gốm sứ Taicera ("Công ty") và các công ty con (sau đây được gọi chung là "Nhóm Công ty") được lập ngày 20 tháng 01 năm 2014 gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 được trình bày từ trang 05 đến trang 29 kèm theo.

Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đối với các báo cáo tài chính hợp nhất

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý các báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu các báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong các báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2014

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính

Kế toán và Kiểm toán Phía Nam

Trưởng Giám đốc

ĐỖ KHẮC THANH

Số Giấy CN ĐKHN KT: 0064-2013-142-1



Kiểm toán viên

TẠ QUANG LONG

Số Giấy CN ĐKHN KT: 0649-2013-142-1

29 Vo Thi Sau Street, District 1, Ho Chi Minh City
Tel: (08) 3820 5944 - (08) 3820 5947 - Fax: (08) 3820 5942
Email: info@aascs.com.vn Website: www.aascs.com.vn

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

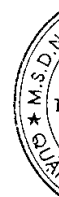
Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		903.540.996.900	810.600.439.641
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền		179.225.382.912	173.277.747.638
111	1. Tiền	03	179.225.382.912	131.277.747.638
112	2. Các khoản tương đương tiền			42.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn			
121	1. Đầu tư ngắn hạn			
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)			
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		207.570.528.402	172.991.047.990
131	1. Phải thu khách hàng		178.438.952.682	142.800.389.986
132	2. Trả trước cho người bán		10.264.065.696	12.439.674.834
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn			
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
135	5. Các khoản phải thu khác	04	21.527.154.971	18.214.002.797
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(2.659.644.947)	(463.019.627)
140	IV. Hàng tồn kho		459.718.147.683	429.428.084.654
141	1. Hàng tồn kho	05	461.152.347.140	430.486.824.688
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(1.434.199.457)	(1.058.740.034)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		57.026.937.903	34.903.559.359
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		25.711.599.718	2.942.134.648
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		25.888.813.374	28.609.247.100
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	06	4.571.594.622	2.571.594.622
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	07	854.930.189	780.582.989
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		739.414.969.737	835.109.222.935
210	I. Các khoản phải thu dài hạn			
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng			
212	2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc			
213	3. Phải thu dài hạn nội bộ			
218	4. Phải thu dài hạn khác			
219	5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)			

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

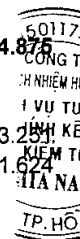
Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
220	II. Tài sản cố định		729.724.042.288	821.282.589.317
221	1. Tài sản cố định hữu hình	08	717.984.247.905	772.575.133.688
222	- Nguyên giá		1.541.984.419.423	1.481.209.133.918
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(824.000.171.518)	(708.634.000.230)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính			
225	- Nguyên giá			
226	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)			
227	3. Tài sản cố định vô hình			
228	- Nguyên giá			
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)			
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	09	11.739.794.383	48.707.455.629
240	III. Bất động sản đầu tư			
241	- Nguyên giá			
242	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)			
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn			
251	1. Đầu tư vào công ty con			
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh			
258	3. Đầu tư dài hạn khác			
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)			
260	V. Lợi thế thương mại			
270	VI. Tài sản dài hạn khác		9.690.927.449	13.826.633.618
271	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	8.597.894.303	10.948.881.542
272	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại			
278	3. Tài sản dài hạn khác		1.093.033.146	2.877.752.076
280	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.642.955.966.637	1.645.709.662.576



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2013	01/01/2013
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		1.035.987.571.613	963.474.842.306
310	I. Nợ ngắn hạn		917.196.125.248	786.939.817.431
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	11	565.369.928.294	499.858.454.837
312	2. Phải trả người bán		296.637.963.632	233.125.085.785
313	3. Người mua trả tiền trước		6.896.950.645	17.184.578.798
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	610.949.460	528.779.344
315	5. Phải trả người lao động		18.234.111.503	16.435.599.842
316	6. Chi phí phải trả	13	28.039.526.459	18.280.606.873
317	7. Phải trả nội bộ			
318	8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	14	1.406.695.255	1.526.711.952
320	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn			
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi			
330	II. Nợ dài hạn		118.791.446.365	176.535.024.875
331	1. Phải trả dài hạn người bán			
332	2. Phải trả dài hạn nội bộ			
333	3. Phải trả dài hạn khác		9.264.808.600	6.364.073.281
334	4. Vay và nợ dài hạn	15	109.526.637.765	170.170.951.624
335	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả			
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm			
337	7. Dự phòng phải trả dài hạn			
338	8. Doanh thu chưa thực hiện			
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		588.635.827.630	664.442.914.404
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	588.635.827.630	664.442.914.404
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		445.421.280.000	432.449.470.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		86.520.960.000	86.520.960.000
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu			
414	4. Cổ phiếu quỹ (*)		(67.240.000)	(55.559.400)
415	5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản			
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái			
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		63.001.315.847	63.001.315.847
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		3.852.399.807	7.584.817.758
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu			
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(10.092.888.024)	74.941.910.199
421	11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản			
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác			
432	1. Nguồn kinh phí			
433	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ			
500	C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ		18.332.567.394	17.791.905.866
510	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.642.955.966.637	1.645.709.662.576



CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại			
- Dollar Mỹ (USD)		5.235.180,14	3.929.442,67
- Euro (EUR)		6.110,63	6.482,62
- Yên Nhật (JPY)		4.111.934,00	4.111.934,00
- Peso Philippine (PHP)		170,00	170,00
- Dollar Đài Loan (TWD)		1.500,00	
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Đồng Nai, ngày 20 tháng 01 năm 2014

Người lập biểu

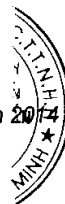

Trần Đình Tâm

Kế toán trưởng


Lai Ping Shan

Chủ tịch


Chen Sin Siang



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	1.941.418.328.198	1.680.221.486.409
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19	29.492.741.457	28.301.195.287
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	1.911.925.586.741	1.651.920.291.122
11	4. Giá vốn hàng bán	21	1.679.002.811.040	1.386.528.950.957
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		232.922.775.701	265.391.340.165
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	5.947.168.018	9.382.400.304
22	7. Chi phí tài chính	23	47.268.543.295	41.557.167.669
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		32.061.300.111	32.816.820.604
24	8. Chi phí bán hàng		169.213.306.830	152.540.188.360
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		87.170.572.614	80.151.733.188
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(64.782.479.020)	524.651.232
31	11. Thu nhập khác		7.540.422.531	5.017.129.436
32	12. Chi phí khác		679.954.176	516.447.625
40	13. Lợi nhuận khác		6.860.468.355	4.500.681.813
45	14. Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh		-	-
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(57.922.010.665)	5.025.333.065
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	24	390.247.362	1.498.560.359
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(58.312.258.027)	3.526.772.706
61	18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số		540.661.528	123.151.731
62	18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ		(58.852.919.555)	3.403.620.975
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	25	(1.321)	79

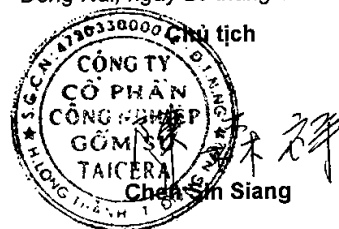
Đồng Nai, ngày 20 tháng 01 năm 2014

Người lập biểu

Trần Đình Tâm

Kế toán trưởng

Lai Ping Shan



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
01	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
	1. Lợi nhuận trước thuế		(57.922.010.665)	5.025.333.065
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	1. Khấu hao tài sản cố định		121.526.301.443	95.266.959.428
03	2. Các khoản dự phòng		2.572.084.743	634.650.275
04	3. Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		1.249.074.213	(3.704.912.840)
05	4. Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(2.043.528.845)	(3.525.019.381)
06	5. Chi phí lãi vay		32.061.300.111	32.816.820.604
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		97.443.221.000	126.513.831.151
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(34.130.019.206)	35.126.926.205
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(30.665.522.452)	(139.209.467.049)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		64.206.800.486	11.392.068.579
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(20.418.477.831)	1.417.553.461
13	- Tiền lãi vay đã trả		(31.023.979.890)	(31.589.976.040)
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(2.331.730.263)	(2.326.966.059)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		4.685.454.279	2.422.442.571
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.902.598.999)	(2.520.235.806)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		43.863.147.124	1.226.177.013
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(31.699.020.078)	(81.563.916.516)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		347.272.727	1.488.671.258
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác			
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác			8.891.713.564
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.696.256.118	2.050.548.596
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(29.655.491.233)	(69.132.983.098)
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu			
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		(11.680.600)	(13.334.000)
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		1.014.898.955.129	1.047.862.742.837
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(1.010.450.250.325)	(966.889.446.277)
35	5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính			
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(12.971.908.500)	(27.116.482.475)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(8.534.884.296)	53.843.480.085

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		5.672.771.595	(14.063.326.000)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		173.277.747.638	187.270.731.087
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		274.863.679	70.342.551
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	03	<u>179.225.382.912</u>	<u>173.277.747.638</u>

Đồng Nai, ngày 20 tháng 01 năm 2014

Người lập biểu



Trần Đình Tâm

Kế toán trưởng



Lai Ping Shan

Chủ tịch



Chen Sin Siang



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2013

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

1.1 Thông tin doanh nghiệp

Công ty Cổ Phần Công Nghiệp gốm sứ Taicera là doanh nghiệp được thành lập tại nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam với thời gian hoạt động là 50 năm kể từ ngày 11 tháng 01 năm 1994 theo Giấy phép đầu tư số 764/GP của Ủy ban Nhà nước về hợp tác và đầu tư cấp.

Ngày 09/08/2005, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã cấp giấy phép số 764CPH/CP chấp nhận cho Công ty được chuyển thành Công ty Cổ phần có vốn đầu tư nước ngoài với số vốn đầu tư là 66.166.667 Đô la Mỹ, vốn điều lệ là 250.045.940.000 đồng.

Ngày 08 tháng 11 năm 2006, Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán nhà nước có quyết định số 65/UBCK-ĐKPH cho phép Công ty được phát hành ra công chúng 3.900.600 cổ phiếu với mệnh giá cổ phiếu là 10.000 đ.

Ngày 29 tháng 08 năm 2013, Ban quản lý các khu công nghiệp Đồng Nai cấp giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh chứng nhận điều chỉnh lần thứ mười ba, theo đó: vốn điều lệ của Công ty là 445.421.280.000 đồng, tổng số cổ phần là 44.542.128, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng. Tổng số cổ phần của các cổ đông sáng lập là 14.999.659 cổ phần, loại cổ phần phổ thông, trong đó:

- UNION TIME ENTERPRISE LIMITED nắm giữ 13.005.491 cổ phần.
- Ông CHEN, WEN-CHIA nắm giữ 148.632 cổ phần.
- Bà LIN, YU-LAN nắm giữ 148.632 cổ phần.
- Bà CHENG, YEU-CHYI nắm giữ 148.632 cổ phần.
- Ông CHEN, SIN-SIANG nắm giữ 1.548.272 cổ phần.

Tổng số cổ phiếu ghi tên do các cổ đông sáng lập nước ngoài nắm giữ phải bảo đảm tương ứng với giá trị cổ phần ít nhất bằng 30% vốn điều lệ trong suốt quá trình hoạt động của Công ty.

Trụ sở chính của Công ty tại Khu Công nghiệp Gò Dầu, Xã Phước Thái, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

1.2 Lĩnh vực kinh doanh : Thương mại, sản xuất.

1.3 Hoạt động chính của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty"):

Sản xuất, mua bán gạch thạch anh phản quang, gạch men và các sản phẩm gốm sứ.

1.4 Các công ty con được hợp nhất vào báo cáo tài chính:

Công ty con

- | | |
|---------------|---|
| ▪ Tên công ty | Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Taiware |
| Địa chỉ | KCN Gò Dầu, Xã Phước Thái, Huyện Long Thành, Đồng Nai. |
| Vốn điều lệ | 2.000.575.420 VND |
| Tỷ lệ góp vốn | 55,00% |
| ▪ Tên công ty | Công ty TNHH Phát Triển Taicera |
| Địa chỉ | Lô C2, Đường K1, KCN Cát Lái - Cụm II, P. Thạnh Mỹ Lợi, Q. 2, TP. HCM |
| Vốn điều lệ | 21.204.134.400 VND |
| Tỷ lệ góp vốn | 51,00% |
| ▪ Tên công ty | Công ty TNHH Taicera Keraben |
| Địa chỉ | KCN Gò Dầu, Xã Phước Thái, Huyện Long Thành, Đồng Nai. |
| Vốn điều lệ | 14.482.440.000 VND |
| Tỷ lệ góp vốn | 51,00% |



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2013

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 Báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty con

Công ty con là các công ty chịu sự kiểm soát bởi Công ty trên phương diện tài chính cũng như chính sách hoạt động, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết ở công ty con. Các công ty con được hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát được chuyển cho Công ty và được loại trừ khỏi việc hợp nhất khi quyền kiểm soát chấm dứt.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là các công ty trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Phần sở hữu của Công ty đối với các khoản lãi hoặc lỗ của công ty liên kết sau khi đầu tư được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.2 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.3 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được hạch toán theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính và được hạch toán bù trừ chênh lệch tăng, giảm số còn lại được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính và không chia cổ tức trên chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ này.

Các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

==
D
N
H
U
H
E
A

Năm 2013

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	4%
- Máy móc, thiết bị	10% - 16%
- Phương tiện vận tải	10%
- Thiết bị công cụ quản lý	12,5%

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá mua ban đầu trừ các khoản dự phòng thích hợp.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được phân bổ dần từng quý vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần từng quý vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn được bổ sung từ kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp theo quy định của chính sách tài chính, quyết định của các chủ sở hữu vốn và của Hội đồng Quản trị.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2013

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành 15%.